

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QLCLGD - ĐHTN

NGÀY THI: 05/9/2026

PHÒNG THI: 01

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN05926-001	Dương Văn An	13.01.2004	Nam	Kinh	Hà Nội
2	GCN05926-002	Dương Thị Vân Anh	19.04.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN05926-003	Lê Đức Anh	16.07.2004	Nam	Kinh	Thanh Hóa
4	GCN05926-004	Lê Thị Quỳnh Anh	18.08.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN05926-005	Nguyễn Mai Anh	30.05.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN05926-006	Nguyễn Quỳnh Anh	22.06.2006	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
7	GCN05926-007	Nguyễn Tuấn Anh	11.12.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
8	GCN05926-008	Nguyễn Tuấn Anh	24.04.2005	Nam	kinh	Bắc Giang
9	GCN05926-009	Nguyễn Văn Anh	11.02.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
10	GCN05926-010	Phạm Quốc Anh	14.11.2004	Nam	Kinh	TP. Hà Nội
11	GCN05926-011	Trịnh Thị Anh	29.05.2006	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN05926-012	Vũ Thế Anh	20.06.2005	Nam	Kinh	Hưng Yên
13	GCN05926-013	Lê Thị Diệu Ánh	02.10.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
14	GCN05926-014	Nguyễn Ngọc Ánh	20.06.2007	Nữ	kinh	Thái Nguyên
15	GCN05926-015	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	05.08.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
16	GCN05926-016	Trần Ngọc Ánh	08.11.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN05926-017	Vi Ngọc Ánh	26.02.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
18	GCN05926-018	Vi Thị Ánh	11.10.2004	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
19	GCN05926-019	Trương Thị Mai Anh	13.10.2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ
20	GCN05926-020	Hoàng Văn Bang	10.01.1990	Nam	Kinh	Bắc Ninh
21	GCN05926-021	Đỗ Hữu Bảo	09.01.2006	Nam	Kinh	Thái Nguyên
22	GCN05926-022	Vi Văn Bảo	27.06.2004	Nam	Nùng	Bắc Ninh
23	GCN05926-023	Triệu Thị Bấy	15.09.2002	Nữ	Nùng	Bắc Ninh
24	GCN05926-024	An Ngọc Bích	13.04.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN05926-025	Nông Duy Biên	22.05.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
26	GCN05926-026	Hoàng Thị Thúy Bời	22.01.2000	Nữ	Tày	Thái Nguyên
27	GCN05926-027	Nguyễn Đức Cảnh	04.09.1993	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN05926-028	Trần Hồ Cẩm	19.07.2006	Nam	Kinh	Ninh Bình
29	GCN05926-029	Đồng Đức Công	13.01.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN05926-030	Thắm Mai Cường	24.12.2005	Nam	Tày	Thái Nguyên
31	GCN05926-031	Trần Việt Cường	27.09.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
32	GCN05926-032	Nguyễn Thị Kim Chi	10.01.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN05926-033	Thiều Tùng Chi	05.02.2005	Nữ	kinh	Thái Nguyên
34	GCN05926-034	Hà Thị Hồng Chi	23.11.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
35	GCN05926-035	Nguyễn Thanh Chung	10.10.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
36	GCN05926-036	Sùng Thị Dí	15.03.2004	Nữ	Mông	Lào Cai
37	GCN05926-037	Nguyễn Ngọc Diệp	10.12.2004	Nữ	Kinh	Ninh Bình
38	GCN05926-038	Đặng Thị Kim Dung	06.07.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 38 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QLCLGD - ĐHTN

NGÀY THI: 05/9/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 02

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN05926-039	Lý Thị Dung	10.04.2004	Nữ	H'mong	Lào Cai
2	GCN05926-040	Dương Tiến Dũng	16.04.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN05926-041	Hà Tiến Dũng	09.09.2005	Nam	Kinh	Bình Dương
4	GCN05926-042	Hoàng Tiến Dũng	20.04.2006	Nam	Kinh	Hà Nội
5	GCN05926-043	Nguyễn Văn Dũng	24.08.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
6	GCN05926-044	Dương Ngọc Duy	05.08.2004	Nam	Kinh	Bắc Giang
7	GCN05926-045	Dương Văn Duy	20.10.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN05926-046	Hà Đình Duy	17.03.2004	Nam	Nùng	Thái Nguyên
9	GCN05926-047	Nông Văn Duy	03.09.2004	Nam	Tày	Bắc Giang
10	GCN05926-048	Phạm Văn Duy	13.11.1996	Nam	Kinh	Hưng Yên
11	GCN05926-049	Thân Văn Duy	14.02.2004	Nam	Kinh	Bắc Giang
12	GCN05926-050	Trần Khánh Duy	25.06.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN05926-051	Phạm Thành Dư	05.05.1993	Nam	Kinh	Hưng Yên
14	GCN05926-052	Bùi Quý Dương	14.12.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN05926-053	Đình Văn Dương	07.10.2006	Nam	Kinh	Bắc ninh
16	GCN05926-054	Mai Anh Sơn Dương	24.11.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
17	GCN05926-055	Nguyễn Công Hoàng Dư	07.12.2005	Nam	tày	Thái Nguyên
18	GCN05926-056	Trịnh Thủy Dương	05.07.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
19	GCN05926-057	Hoàng Văn Đại	07.02.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN05926-058	Phan Xuân Đạo	26.07.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội
21	GCN05926-059	Đàm Văn Đạt	04.01.2006	Nam	Kinh	Bắc Ninh
22	GCN05926-060	Đặng Tiến Đạt	31.01.2005	Nam	Sán Dìu	Thái Nguyên
23	GCN05926-061	Đình Quang Đạt	02.06.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN05926-062	Đình Văn Đạt	12.02.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN05926-063	Lê Nam Đăng	28.07.2006	Nam	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN05926-064	Lý Thị Diệp	14.05.2004	Nữ	Sán chay	Thái Nguyên
27	GCN05926-065	Vũ Văn Đoàn	19.01.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN05926-066	Phạm Hữu Đủ	20.02.2003	Nam	Kinh	Ninh Bình
29	GCN05926-067	Chu Đình Đức	19.09.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN05926-068	Đoàn Thị Trà Giang	02.08.2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ
31	GCN05926-069	Hoàng Ninh Giang	25.11.1997	Nam	Kinh	Bắc Ninh
32	GCN05926-070	Hoàng Võ Trường Giang	17.09.2007	Nam	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN05926-071	Nguyễn Thị Giang	26.06.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
34	GCN05926-072	Trần Văn Giang	28.10.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
35	GCN05926-073	Phạm Nguyễn Linh Giang	14.04.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
36	GCN05926-074	Đỗ Thu Hà	01.10.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN05926-075	Hoàng Đình Hà	06.04.1993	Nam	Kinh	Nghệ An
38	GCN05926-076	Nguyễn Thị Hà	14.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 38 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QLCLGD - ĐHTN

NGÀY THI: 05/9/2026

CẢ CHIỀU

PHÒNG THI: 03

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN05926-077	Nguyễn Thị Thu Hà	28.08.2004	Nữ	Kinh	Hung Yên
2	GCN05926-078	Trương Thanh Hà	05.10.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
3	GCN05926-079	Vũ Thu Hà	20.02.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN05926-080	Đặng Ngọc Hải	13.03.2006	Nam	Dao	Sơn La
5	GCN05926-081	Mã Văn Hải	28.08.2002	Nam	Nùng	Lạng Sơn
6	GCN05926-082	Nguyễn Hoàng Hải	09.09.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
7	GCN05926-083	Trần Thu Hạnh	01.08.2004	Nữ	Kinh	Phú Thọ
8	GCN05926-084	Chu Văn Hào	04.10.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN05926-085	Đàm Duy Hào	26.03.2002	Nam	Cao Lan	Bắc Ninh
10	GCN05926-086	Nguyễn Đình Hào	06.08.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
11	GCN05926-087	Hà Thị Minh Hằng	19.08.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN05926-088	Phạm Thị Hằng	26.02.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN05926-089	Bùi Thị Thuý Hằng	01.12.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
14	GCN05926-090	Trần Thu Hiền	19.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN05926-091	Vũ Thu Hiền	18.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN05926-092	Hoàng Thế Hiệp	02.06.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
17	GCN05926-093	Phạm Hoàng Hiệp	13.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN05926-094	Nguyễn Minh Hiếu	28.01.2003	Nam	kinh	Thái Nguyên
19	GCN05926-095	Nguyễn Minh Hiếu	20.12.2004	Nam	Kinh	Thanh Hóa
20	GCN05926-096	Nguyễn Trung Hiếu	25.03.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN05926-097	Nguyễn Văn Hiếu	05.11.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
22	GCN05926-098	Tô Văn Hiếu	11.11.1994	Nam	Kinh	Thanh Hóa
23	GCN05926-099	Nguyễn Văn Hiếu	25.02.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
24	GCN05926-100	Nguyễn Mai Hoa	09.06.2001	Nữ	Kinh	TP. Hà Nội
25	GCN05926-101	Nguyễn Xuân Hòa	03.11.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
26	GCN05926-102	Đào Thu Hoài	22.02.2005	Nữ	kinh	Thái Nguyên
27	GCN05926-103	Nguyễn Thị Thu Hoài	20.06.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN05926-104	Nguyễn Xuân Hoàn	13.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN05926-105	Vũ Đình Hoàn	13.11.2004	Nam	Kinh	Lào Cai
30	GCN05926-106	Từ Việt Hoàng	03.01.2005	Nam	Sán diu	Thái Nguyên
31	GCN05926-107	Trần Nguyễn Huy Hoàng	25.12.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN05926-108	Nguyễn Duy Hoàng	29.10.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN05926-109	Vương Ngọc Duy Hoàng	17.12.2004	Nam	Tày	Tuyên Quang
34	GCN05926-110	Nguyễn Thị Ánh Hồng	01.01.2000	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
35	GCN05926-111	Nguyễn Hồng Huệ	30.08.2004	Nữ	Nùng	Thái Nguyên
36	GCN05926-112	Hà Văn Hùng	19.12.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN05926-113	Hoàng Phi Hùng	28.05.2003	Nam	Nùng	Lạng Sơn

Ấn định danh sách có: 37 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QLCLGD - ĐHTN

NGÀY THI: 05/9/2026 CAI CHIEU

PHÒNG THI: 04

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN05926-114	Lương Quang Hùng	07.08.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
2	GCN05926-115	Nguyễn Ngọc Hùng	03.07.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN05926-116	Nguyễn Phi Hùng	27.08.2004	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
4	GCN05926-117	Nguyễn Trọng Hùng	07.10.2007	Nam	Kinh	Bắc Ninh
5	GCN05926-118	Nguyễn Xuân Hùng	17.05.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
6	GCN05926-119	Trần Mạnh Hùng	03.12.2002	Nam	Tày	Cao Bằng
7	GCN05926-120	Dương Quang Huy	04.02.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN05926-121	Phạm Đức Huy	20.01.1998	Nam	Kinh	Ninh Bình
9	GCN05926-122	Trương Hà Huy	17.11.1999	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN05926-123	Sái Thu Huyền	28.03.2004	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
11	GCN05926-124	Bá Lệ Huyền	29.03.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN05926-125	Nguyễn Quốc Hưng	22.12.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN05926-126	Ma Thị Thu Hương	14.10.2003	Nữ	Tày	Tuyên Quang
14	GCN05926-127	Ma Xuân Hương	04.09.2003	Nam	Tày	Tuyên Quang
15	GCN05926-128	Trần Thị Thu Hương	14.01.2004	Nữ	Sán dìu	Thái Nguyên
16	GCN05926-129	Ma Thị Thúy Hường	16.10.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
17	GCN05926-130	Nguyễn Thị Thuý Hường	04.06.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN05926-131	Trần Thị Hường	29.02.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN05926-132	Trần Thị Hường	07.02.2003	Nữ	Sán Chay	Thái Nguyên
20	GCN05926-133	Hoàng Chung Kiên	24.04.2004	Nam	Thái	Lai Châu
21	GCN05926-134	Lê Minh Kiên	20.08.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
22	GCN05926-135	Nguyễn Trung Kiên	14.04.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN05926-136	Nguyễn Trung Kiên	13.12.2005	Nam	Kinh	TP. Hà Nội
24	GCN05926-137	Dương Duy Khánh	01.11.2002	Nam	kinh	Thái Nguyên
25	GCN05926-138	Đỗ Quốc Khánh	02.09.1994	Nam	Kinh	Lạng Sơn
26	GCN05926-139	Hà Quang Khánh	04.09.2002	Nam	Tày	Tuyên Quang
27	GCN05926-140	Phạm Quốc Khánh	01.05.2004	Nam	Kinh	Hà Nội
28	GCN05926-141	Vũ Quang Khánh	10.11.2004	Nam	Tày	Thái Nguyên
29	GCN05926-142	Diệp Văn Khương	14.04.2006	Nam	Sán Dìu	Thái Nguyên
30	GCN05926-143	Phan Tùng Lâm	17.11.2005	Nam	Kinh	Bắc Giang
31	GCN05926-144	Nguyễn Nhật Lệ	06.03.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN05926-145	Bàn Quang Linh	12.10.2003	Nam	Dao	Lào Cai
33	GCN05926-146	Đào Diệu Linh	22.02.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
34	GCN05926-147	Đỗ Thị Linh	30.12.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
35	GCN05926-148	Lê Khánh Linh	20.10.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
36	GCN05926-149	Lương Hoàng Linh	20.11.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN05926-150	Ngô Khánh Linh	12.11.2003	Nữ	Kinh	Phú Thọ

Ấn định danh sách có: 37 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QLCLGD - ĐHTN

NGÀY THI: 05/9/2026 CA CHIỀU

PHÒNG THI: 05

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN05926-151	Nguyễn Hữu Linh	29.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
2	GCN05926-152	Nguyễn Thị Thuỷ Linh	25.02.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
3	GCN05926-153	Phạm Thuỷ Linh	14.07.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
4	GCN05926-154	Trần Phương Linh	18.12.2006	Nữ	Kinh	Lào Cai
5	GCN05926-155	Trần Thị Khánh Linh	20.12.2004	Nữ	Kinh	Ninh Bình
6	GCN05926-156	Triệu Ngọc Diệu Linh	20.12.2005	Nữ	Dao	Bắc Kạn
7	GCN05926-157	Dương Thị Loan	11.08.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN05926-158	Nguyễn Đức Long	10.12.2004	Nam	Tày	Thái Nguyên
9	GCN05926-159	Nguyễn Đức Long	30.08.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
10	GCN05926-160	Trần Bảo Long	01.07.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
11	GCN05926-161	Trần Thành Luân	24.09.1989	Nam	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN05926-162	Phùng Thị Lượng	06.11.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
13	GCN05926-163	Đào Khánh Ly	09.01.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN05926-164	Trần Khánh Ly	29.05.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
15	GCN05926-165	Lương Thị Mai	11.02.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN05926-166	Nguyễn Quỳnh Mai	10.03.2004	Nữ	Kinh	Điện Biên
17	GCN05926-167	Vũ Thị Xuân Mai	25.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN05926-168	Phùng Quang Mạnh	22.10.2005	Nam	Tày	Tuyên Quang
19	GCN05926-169	Đoàn Thị Mây	23.12.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN05926-170	Dương Văn Minh	20.11.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN05926-171	Hoàng Hồng Minh	07.06.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
22	GCN05926-172	Ngô Lương Minh	24.11.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN05926-173	Nguyễn Đức Minh	10.10.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN05926-174	Nguyễn Thị Minh	15.11.2004	Nữ	kinh	Thái Nguyên
25	GCN05926-175	Nguyễn Văn Minh	16.11.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN05926-176	Trần Văn Minh	25.08.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
27	GCN05926-177	Trương Công Minh	18.11.2003	Nam	Mường	Thái Nguyên
28	GCN05926-178	Cao Khánh My	20.01.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
29	GCN05926-179	Nguyễn Thị Trà My	08.06.2005	Nữ	Tày	Thái Nguyên
30	GCN05926-180	Nguyễn Phúc Mỹ	17.03.2004	Nam	Kinh	Hà Nội
31	GCN05926-181	Hoàng Hoài Nam	11.04.2002	Nam	kinh	Thái Nguyên
32	GCN05926-182	Lương Trung Nam	25.12.2005	Nam	Kinh	Quảng Ninh
33	GCN05926-183	Dương Quang Ninh	16.07.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
34	GCN05926-184	Đặng Vĩnh Ninh	25.12.1993	Nam	Kinh	Nghệ An
35	GCN05926-185	Hoàng Thị Nga	19.08.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
36	GCN05926-186	Nguyễn Thị Hà Ngân	10.07.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN05926-187	Hoàng Hải Ngọc	12.04.2003	Nữ	Nùng	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 37 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QLCLGD - ĐHTN

NGÀY THI: 05/9/2026

GIỜ: CHIỀU

PHÒNG THI: 06

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN05926-188	Lường Minh Ngọc	15.07.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
2	GCN05926-189	Nguyễn Ánh Ngọc	12.08.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
3	GCN05926-190	Trần Thị Minh Ngọc	21.09.2003	Nữ	Kinh	Hung Yên
4	GCN05926-191	Hoàng Thảo Nguyên	07.09.2004	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
5	GCN05926-192	Trần Thảo Nguyên	19.06.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN05926-193	Nguyễn Thị Nguyệt	30.11.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
7	GCN05926-194	Trần Thị Thanh Nhân	03.11.2003	Nữ	Sán Chỉ	Thái Nguyên
8	GCN05926-195	Hà Huy Nhâm	17.06.2002	Nam	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN05926-196	Hoàng Kim Nhật	09.11.2005	Nam	Tày	Thái Nguyên
10	GCN05926-197	Bùi Phương Nhung	24.09.2003	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
11	GCN05926-198	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	08.04.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
12	GCN05926-199	Trần Thị Hồng Nhung	28.11.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN05926-200	Trịnh Kim Nhung	10.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN05926-201	Vì Thế Phan	14.05.2005	Nam	Tày	Thái Nguyên
15	GCN05926-202	Nguyễn Hồng Phong	01.08.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN05926-203	Dương Mạnh Phú	22.09.2002	Nam	kinh	Thái Nguyên
17	GCN05926-204	Bùi Thanh Phúc	05.11.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
18	GCN05926-205	Nguyễn Bình Phước	27.09.2002	Nam	Kinh	Bắc Giang
19	GCN05926-206	Bùi Mai Phương	29.11.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN05926-207	Lê Thị Minh Phương	25.10.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN05926-208	Nguyễn Minh Phương	11.08.2004	Nữ	Kinh	Hà Tây
22	GCN05926-209	Trần Đỗ Lan Phương	23.04.2004	Nữ	Kinh	TP. Hồ Chí Minh
23	GCN05926-210	Trần Hoàng Phương	13.06.2004	Nữ	Tày	Bắc Ninh
24	GCN05926-211	Vũ Tuấn Phương	22.02.2001	Nam	Kinh	Tuyên Quang
25	GCN05926-212	Lê Thị Phương	27.03.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
26	GCN05926-213	Chu Văn Quang	21.10.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
27	GCN05926-214	Nguyễn Văn Quang	03.02.2006	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN05926-215	Phạm Minh Quang	02.07.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
29	GCN05926-216	Trần Đình Quang	01.10.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
30	GCN05926-217	Nguyễn Ngọc Quảng	17.12.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
31	GCN05926-218	Dương Văn Quân	17.04.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN05926-219	Nguyễn Minh Quân	01.12.2003	Nam	Kinh	Quảng Ninh
33	GCN05926-220	Nguyễn Sỹ Quế	02.01.2001	Nam	Kinh	Nghệ An
34	GCN05926-221	Lý Mạnh Quốc	05.07.2004	Nam	Sán Chay	Bắc Ninh
35	GCN05926-222	Nguyễn Duy Quý	28.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
36	GCN05926-223	Lê Thị Quyên	29.12.2003	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
37	GCN05926-224	Nguyễn Thị Quyên	15.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 37 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QLCLGD - ĐHTN

NGÀY THI: 05/9/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 07

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN05926-225	Vi Ánh Quyên	13.09.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
2	GCN05926-226	Nguyễn Quang Quyền	05.01.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
3	GCN05926-227	Dương Thúy Quỳnh	01.11.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN05926-228	Nguyễn Thị Quỳnh	02.12.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN05926-229	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	13.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN05926-230	Đặng Thanh Sâm	01.05.2002	Nam	Sán Diu	Thái Nguyên
7	GCN05926-231	Trần Thu Sâm	07.09.1998	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN05926-232	Đào Thái Sơn	03.06.2007	Nam	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN05926-233	Hà Như Sơn	04.10.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
10	GCN05926-234	Nguyễn Quang Sơn	01.09.2006	Nam	Cao Lan	Tuyên Quang
11	GCN05926-235	Nguyễn Thái Sơn	10.11.2006	Nam	Kinh	Quảng ninh
12	GCN05926-236	Lê Thanh Tâm	22.06.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN05926-237	Nguyễn Thanh Tâm	24.12.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN05926-238	Nguyễn Lưu Tân	25.10.2001	Nam	Kinh	TP. Hà Nội
15	GCN05926-239	Hoàng Minh Phúc Tấn	29.12.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN05926-240	Vi Thị Thuỷ Tiên	03.05.2004	Nữ	Tày	Bắc Ninh
17	GCN05926-241	Trần Thanh Tiến	07.09.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN05926-242	Vũ Văn Tiến	02.12.2003	Nam	Kinh	Thái nguyên
19	GCN05926-243	Đào Duy Tính	21.07.2003	Nam	Tày	Thái nguyên
20	GCN05926-244	Nguyễn Hữu Toàn	13.12.1991	Nam	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN05926-245	Phạm Xuân Toàn	18.02.2005	Nam	kinh	Hải Dương
22	GCN05926-246	Chu Văn Toàn	10.05.2002	Nam	Tày	Thái Nguyên
23	GCN05926-247	Hà Vũ Toàn	30.03.2003	Nam	Tày	Cao Bằng
24	GCN05926-248	Nguyễn Anh Tú	18.06.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN05926-249	Nguyễn Quốc Tú	26.10.2002	Nam	Kinh	Thái nguyên
26	GCN05926-250	Nguyễn Thanh Tú	31.10.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
27	GCN05926-251	Nguyễn Văn Tú	03.06.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
28	GCN05926-252	Phan Minh Tú	14.10.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN05926-253	Phùng Tiến Tú	23.03.2003	Nam	Kinh	Bắc giang
30	GCN05926-254	Nguyễn Quang Tuấn	30.07.2004	Nam	Kinh	Phú Thọ
31	GCN05926-255	Giáp Văn Tuấn	17.04.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
32	GCN05926-256	Lê Anh Tuấn	22.12.2007	Nam	Kinh	Thái Nguyên
33	GCN05926-257	Lê Văn Tuấn	04.01.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
34	GCN05926-258	Nguyễn Anh Tuấn	05.08.2004	Nam	Nùng	Thái Nguyên
35	GCN05926-259	Nhữ Hồng Tuấn	02.09.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
36	GCN05926-260	Vi Anh Tuấn	10.07.2000	Nam	Tày	Thái Nguyên
37	GCN05926-261	Đào Thanh Tùng	01.07.1992	Nam	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 37 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QLCLGD - ĐHTN

NGÀY THI: 05/9/2026

PHÒNG THI: 08

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN05926-262	Đặng Duy Tùng	20.04.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN05926-263	Hứa Thanh Tùng	12.11.2004	Nam	Nùng	Thái Nguyên
3	GCN05926-264	Nguyễn Hoàng Tùng	27.09.2006	Nam	Tày	Thái Nguyên
4	GCN05926-265	Trương Đình Tuyển	28.12.2007	Nam	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN05926-266	Vũ Thị Kim Tuyển	19.07.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN05926-267	Dương Thị Tuyết	17.11.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
7	GCN05926-268	Nguyễn Quang Thạch	23.03.2002	Nam	Kinh	Thái nguyên
8	GCN05926-269	Đinh Hồng Thái	19.08.2005	Nam	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN05926-270	Tạ Việt Hưng Thái	01.09.2002	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
10	GCN05926-271	Nguyễn Tiến Thành	04.05.1998	Nam	Kinh	Tuyên Quang
11	GCN05926-272	Nguyễn Văn Thành	02.11.1994	Nam	Kinh	Thái Nguyên
12	GCN05926-273	Dương Thanh Thảo	16.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN05926-274	Đặng Thị Phương Thảo	25.06.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
14	GCN05926-275	Đỗ Thị Thảo	19.04.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
15	GCN05926-276	Hoàng Dương Thảo	02.06.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
16	GCN05926-277	Hoàng Thị Phương Thảo	17.07.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN05926-278	Hoàng Thị Thu Thảo	28.11.2004	Nữ	Sán Dìu	Thái Nguyên
18	GCN05926-279	Lê Phương Thảo	01.01.2001	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN05926-280	Phạm Phương Thảo	28.02.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN05926-281	Phạm Phương Thảo	07.07.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN05926-282	Trần Thị Phương Thảo	09.02.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
22	GCN05926-283	Chu Đình Thắng	04.04.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
23	GCN05926-284	Chu Văn Thắng	20.12.2001	Nam	Nùng	Thái Nguyên
24	GCN05926-285	Ngô Quang Thắng	17.05.2005	Nam	Kinh	Hà Nội
25	GCN05926-286	Tạ Thanh Thiên	11.10.1999	Nam	Kinh	TP. Hà Nội
26	GCN05926-287	Giáp Văn Thiện	17.03.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
27	GCN05926-288	Lê Đỗ Hoàng Thiện	02.12.2005	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN05926-289	Bạch Thị Thu	26.03.2001	Nữ	Mường	Phú Thọ
29	GCN05926-290	Nguyễn Doãn Thuận	20.01.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
30	GCN05926-291	Trương Văn Thuận	07.02.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
31	GCN05926-292	Phạm Văn Thủy	20.07.1996	Nam	Kinh	Bắc Ninh
32	GCN05926-293	Ma Thị Bích Thủy	03.06.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
33	GCN05926-294	Tạ Thị Thủy	24.10.2006	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
34	GCN05926-295	Nguyễn Duy Thùy	18.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
35	GCN05926-296	Đồng Khánh Thư	25.12.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
36	GCN05926-297	Trần Anh Thư	11.11.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
37	GCN05926-298	Trần Thị Ngọc Thức	05.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 37 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ QLCLGD - ĐHTN

NGÀY THI: 05/9/2026

PHÒNG THI: 09

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN05926-299	Phạm Huyền Thương	18.04.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN05926-300	Trịnh Xuân Thường	25.07.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN05926-301	Ninh Mạnh Thường	14.01.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
4	GCN05926-302	Bùi Thị Thiên Trang	21.09.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN05926-303	Đoàn Phương Trang	11.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN05926-304	Hà Thị Trang	24.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
7	GCN05926-305	Nguyễn Linh Trang	25.10.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN05926-306	Ma Thị Trang	01.05.2005	Nữ	Tày	Thái Nguyên
9	GCN05926-307	Nguyễn Tiến Trọng	20.05.2005	Nam	Kinh	Hà Nội
10	GCN05926-308	Trần Văn Trọng	07.09.2003	Nam	Sán Dìu	Thái Nguyên
11	GCN05926-309	Hoàng Thị Thanh Trúc	07.07.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
12	GCN05926-310	Cao Thành Trung	24.12.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN05926-311	Lăng Văn Trung	24.06.2004	Nam	Dao	Thái Nguyên
14	GCN05926-312	Nguyễn Kim Trường	05.10.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
15	GCN05926-313	Nguyễn Minh Trường	30.04.2002	Nam	Kinh	Ninh Bình
16	GCN05926-314	Nguyễn Văn Trường	23.08.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
17	GCN05926-315	Nguyễn Xuân Trường	01.01.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
18	GCN05926-316	Nguyễn Xuân Trường	16.02.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN05926-317	Nguyễn Xuân Trường	07.12.1993	Nam	Sán Dìu	Thái Nguyên
20	GCN05926-318	Nguyễn Minh Trường	20.03.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN05926-319	Nguyễn Xuân Văn	23.10.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
22	GCN05926-320	Trần Thanh Vân	04.11.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN05926-321	Nguyễn Đức Vinh	19.11.2002	Nam	Kinh	Ninh Bình
24	GCN05926-322	Phạm Khánh Vinh	23.01.2004	Nam	Tày	Thái Nguyên
25	GCN05926-323	Hứa Dương Vũ	26.09.2004	Nam	Nùng	Thái Nguyên
26	GCN05926-324	Lưu Văn Vũ	11.08.2003	Nam	Kinh	Hà Nội
27	GCN05926-325	Nguyễn Đức Vũ	10.01.1992	Nam	Kinh	Thái Nguyên
28	GCN05926-326	Tô Chu Vũ	28.06.2002	Nam	Tày	Thái Nguyên
29	GCN05926-327	Trần Hoàng Xuân Vũ	05.07.2005	Nam	Kinh	Gia Lai
30	GCN05926-328	Khúc Văn Vương	11.11.1994	Nam	Kinh	TP. Hà Nội
31	GCN05926-329	Đào Tường Vy	12.06.2002	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
32	GCN05926-330	Vũ Yến Vy	30.07.2003	Nữ	Kinh	Lạng Sơn
33	GCN05926-331	Hoàng Thị Xanh	27.03.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
34	GCN05926-332	Vàng Thị Xía	15.09.2005	Nữ	Mông	Lai Châu
35	GCN05926-333	Dương Thị Xuân	11.06.2005	Nữ	Tày	Lạng Sơn
36	GCN05926-334	Đỗ Thanh Xuân	11.04.2006	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
37	GCN05926-335	Nguyễn Hải Yến	15.08.2004	Nữ	Sán chỉ	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 37 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TN&MT - HÀ NỘI

NGÀY THI: 05/9/2026

CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 10

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	TNMT.TA05926-336	Hoàng Thị Vân An	09.11.2004	Nữ	Kinh	Hưng Yên
2	TNMT.TA05926-337	Nguyễn Đình Tiến Anh	11.06.2005	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
3	TNMT.TA05926-338	Nguyễn Thị Phương Anh	15.10.2005	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
4	TNMT.TA05926-339	Lê Thùy Dung	29.04.2002	Nữ	Kinh	Hà Nội
5	TNMT.TA05926-340	Nguyễn Thị Dung	23.11.2005	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
6	TNMT.TA05926-341	Nguyễn Thị Hà	10.01.2005	Nữ	Kinh	Hà Nội
7	TNMT.TA05926-342	Nguyễn Thị Hồng Hải	08.02.2005	Nữ	Kinh	Hải Phòng
8	TNMT.TA05926-343	Trần Gia Hân	25.02.2005	Nữ	Kinh	Ninh Bình
9	TNMT.TA05926-344	Nguyễn Ngọc Huy Hoàng	26.12.2002	Nam	Kinh	Phú Thọ
10	TNMT.TA05926-345	Trần Thị Kim Huệ	23.09.2004	Nữ	Kinh	Tp HCM
11	TNMT.TA05926-346	Trần Thị Thu Huyền	09.02.2005	Nữ	Kinh	Hưng Yên
12	TNMT.TA05926-347	Nguyễn Thị Lan	14.10.2005	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
13	TNMT.TA05926-348	Bùi Nguyễn Ngọc Linh	28.08.2006	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
14	TNMT.TA05926-349	Bùi Thị Phương Linh	16.07.2005	Nữ	Kinh	Hải Phòng
15	TNMT.TA05926-350	Nguyễn Thị Linh	10.02.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
16	TNMT.TA05926-351	Trần Diệu Linh	13.10.2006	Nữ	Kinh	Phú Thọ
17	TNMT.TA05926-352	Đào Lê Hà My	02.02.2005	Nữ	Kinh	Hà Nội
18	TNMT.TA05926-353	Đoàn Thị Quỳnh Nga	06.07.2005	Nữ	Kinh	Ninh Bình
19	TNMT.TA05926-354	Nguyễn Minh Ngọc	23.08.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
20	TNMT.TA05926-355	Nguyễn Xuân Ngọc	07.09.2005	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
21	TNMT.TA05926-356	Phạm Thị Ngọc	13.07.2004	Nữ	Kinh	Hải Phòng
22	TNMT.TA05926-357	Vũ Hoàng Bảo Ngọc	18.09.2005	Nữ	Kinh	Hà Nam
23	TNMT.TA05926-358	Đặng Tổ Như	01.12.2005	Nữ	Kinh	Hà Nội
24	TNMT.TA05926-359	Lê Hà Phương	02.09.2026	Nữ	Kinh	Thanh Hoá
25	TNMT.TA05926-360	Trương Thị Thanh Tâm	04.06.2005	Nữ	Kinh	Hải Dương
26	TNMT.TA05926-361	Tổng Thị Kim Thanh	19.10.2005	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
27	TNMT.TA05926-362	Vũ Hải Thành	09.01.2004	Nam	Kinh	Hải Phòng
28	TNMT.TA05926-363	Tạ Phương Thảo	30.08.2005	Nữ	Kinh	Hà Tây
29	TNMT.TA05926-364	Vũ Thị Diệu Thương	08.11.2006	Nữ	Kinh	Ninh Bình
30	TNMT.TA05926-365	Nguyễn Thị Huyền Trang	30.12.2005	Nữ	Kinh	Hà Nam
31	TNMT.TA05926-366	Phạm Thị Huyền Trang	12.05.2005	Nữ	Kinh	Ninh Bình
32	TNMT.TA05926-367	Phạm Thu Trang	23.11.2005	Nữ	Kinh	Thái Bình
33	TNMT.TA05926-368	Trần Hoài Trang	01.06.2004	Nữ	Kinh	Thái Bình
34	TNMT.TA05926-369	Vũ Thị Kiều Trang	17.10.2004	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
35	TNMT.TA05926-370	Trương Quốc Trung	01.07.2005	Nam	Kinh	Hà Nội

Ấn định danh sách có: 35 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
ĐỊA ĐIỂM THI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP.HCM

NGÀY THI: 05/9/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 11

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	HCM05926-371	Hồ Quốc An	27.02.1987	Nam	Kinh	Đắk Lắk
2	HCM05926-372	Nguyễn Cao Cường	08.12.1980	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
3	HCM05926-373	Đàm Văn Chương	05.07.1984	Nam	Kinh	Thanh Hoá
4	HCM05926-374	Đặng Khương Duy	15.06.1992	Nam	Kinh	Ninh Bình
5	HCM05926-375	Lý Ngọc Khả Duy	17.11.2004	Nam	Kinh	An Giang
6	HCM05926-376	Mai Tấn Đạt	20.08.1984	Nam	Kinh	Hồ Chí Minh
7	HCM05926-377	Nguyễn Đình Đoan	16.10.1977	Nam	Kinh	Bến Tre
8	HCM05926-378	Cao Văn Hà	17.03.1991	Nam	Kinh	Cần thơ
9	HCM05926-379	Lê Thanh Hải	03.08.1987	Nam	Kinh	Quảng Trị
10	HCM05926-380	Nguyễn Văn Hải	14.07.1990	Nam	Kinh	Thanh Hóa
11	HCM05926-381	Nguyễn Kim Hạnh	21.07.1997	Nam	Kinh	Đắk Lắk
12	HCM05926-382	Hà Nhân Hậu	21.04.1999	Nam	Kinh	Đồng Tháp
13	HCM05926-383	Huỳnh Trung Hiếu	25.01.1991	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
14	HCM05926-384	Võ Hồng Kông	18.02.1993	Nam	Kinh	Vĩnh Long
15	HCM05926-385	Hồ Đào Duy Khương	14.02.1992	Nam	Kinh	Đồng Tháp
16	HCM05926-386	Nguyễn Thanh Long	28.11.1992	Nam	Kinh	Vũng Tàu
17	HCM05926-387	Nguyễn Văn Long	28.09.1979	Nam	Kinh	Quảng Trị
18	HCM05926-388	Thái Hồng Long	26.04.1986	Nam	Kinh	Nghệ An
19	HCM05926-389	Đặng Văn Lượng	20.10.1984	Nam	Kinh	Hải Phòng
20	HCM05926-390	Đỗ Đức Minh	23.12.1982	Nam	Kinh	Thanh Hoá
21	HCM05926-391	Trần Ngọc Minh	25.10.1984	Nam	Kinh	Đắk Lắk
22	HCM05926-392	Trần Phương Nam	23.05.1992	Nam	Kinh	Quảng Ngãi
23	HCM05926-393	Lê Trọng Nghĩa	18.08.1981	Nam	Kinh	TP HCM
24	HCM05926-394	Phan Hồ Trọng Nghĩa	09.12.1984	Nam	Kinh	TP HCM
25	HCM05926-395	Nguyễn Thị Phấn	28.12.1995	Nữ	Kinh	Tiền Giang
26	HCM05926-396	Hứa Mạnh Quỳnh	10.08.1986	Nam	Kinh	Đà Nẵng
27	HCM05926-397	Vũ Mai Sáu	21.05.1976	Nam	Kinh	Thanh Hoá
28	HCM05926-398	Nguyễn Trường Xuân Sơn	25.01.1987	Nam	Kinh	Đaklak
29	HCM05926-399	Nguyễn Thành Tài	01.01.1987	Nam	Kinh	Tây Ninh
30	HCM05926-400	Hồ Trọng Tấn	21.04.1985	Nam	Kinh	Đắk Lắk
31	HCM05926-401	Nguyễn Quốc Tiến	16.07.1992	Nam	Kinh	Đắk Lắk
32	HCM05926-402	Triệu Trung Tín	20.04.1993	Nam	Kinh	Bình Định
33	HCM05926-403	Huỳnh Thanh Tú	29.07.1988	Nam	Kinh	Thạnh xuân
34	HCM05926-404	Nguyễn Văn Tuấn	14.09.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
35	HCM05926-405	Phí Bằng Thái	30.11.1981	Nam	Kinh	Thái Bình
36	HCM05926-406	Huỳnh Xuân Thắng	17.08.1977	Nam	Kinh	Gia Lai
37	HCM05926-407	Nguyễn Thị Tâm Thoa	16.04.1993	Nữ	Kinh	Lâm Đồng

Ấn định danh sách có: 37 thí sinh./.